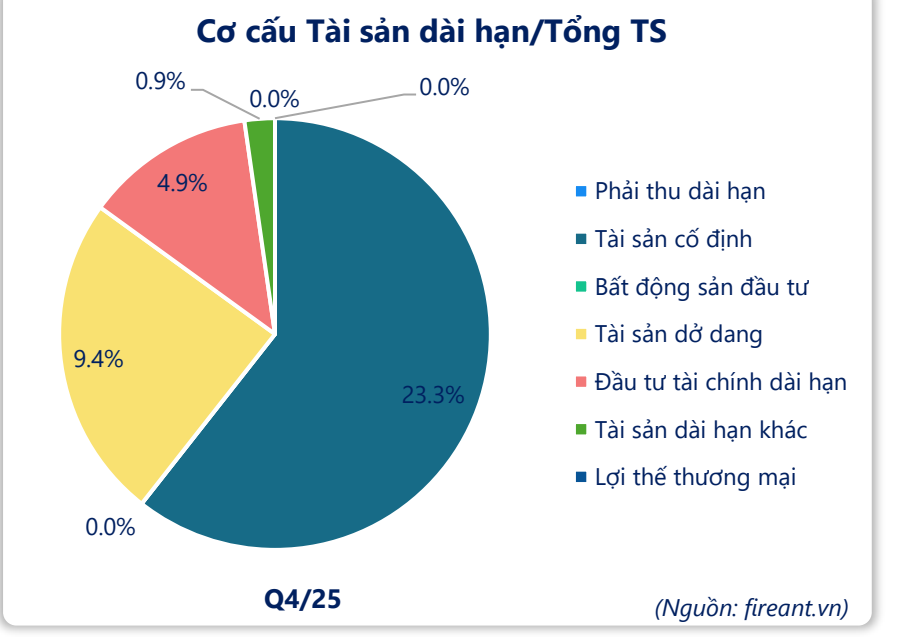
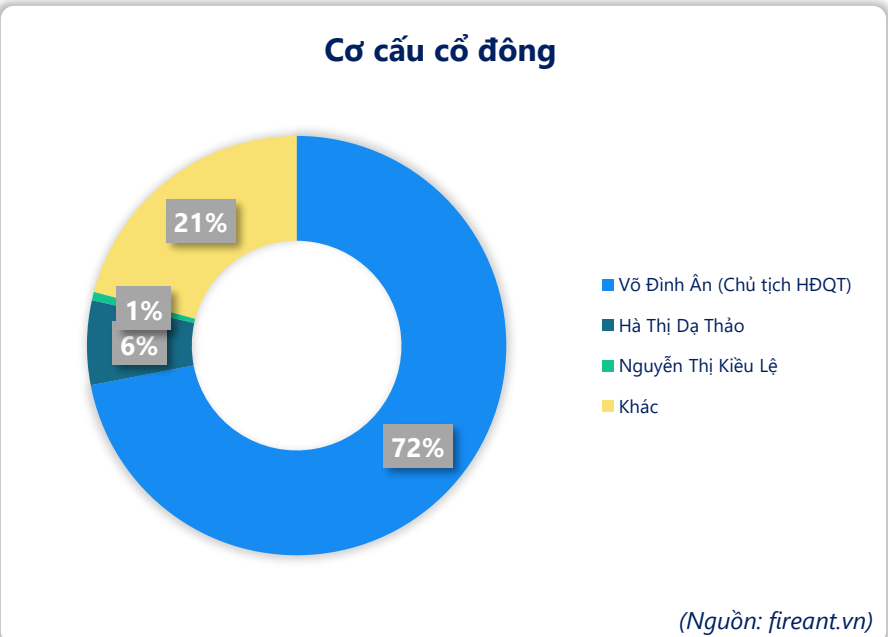
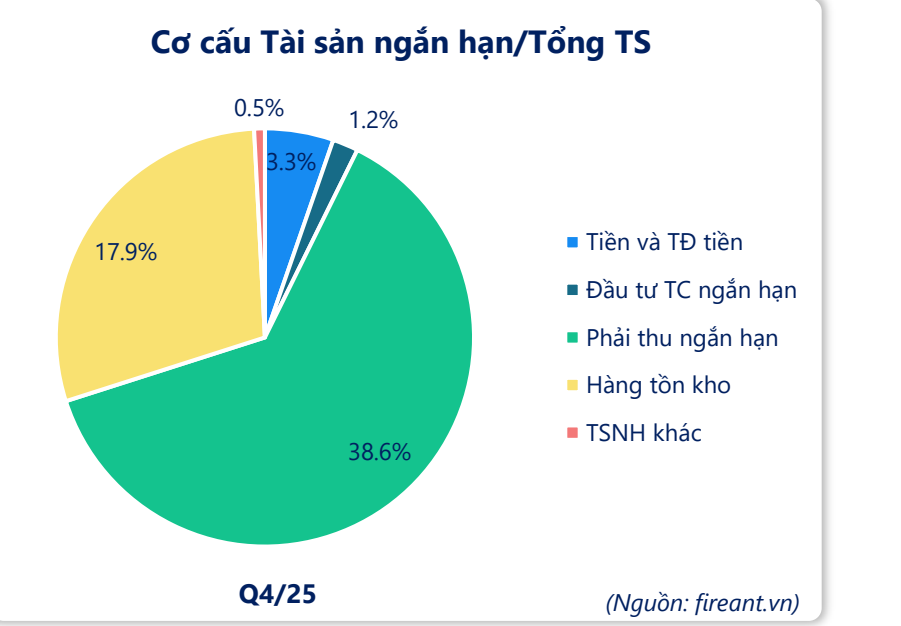
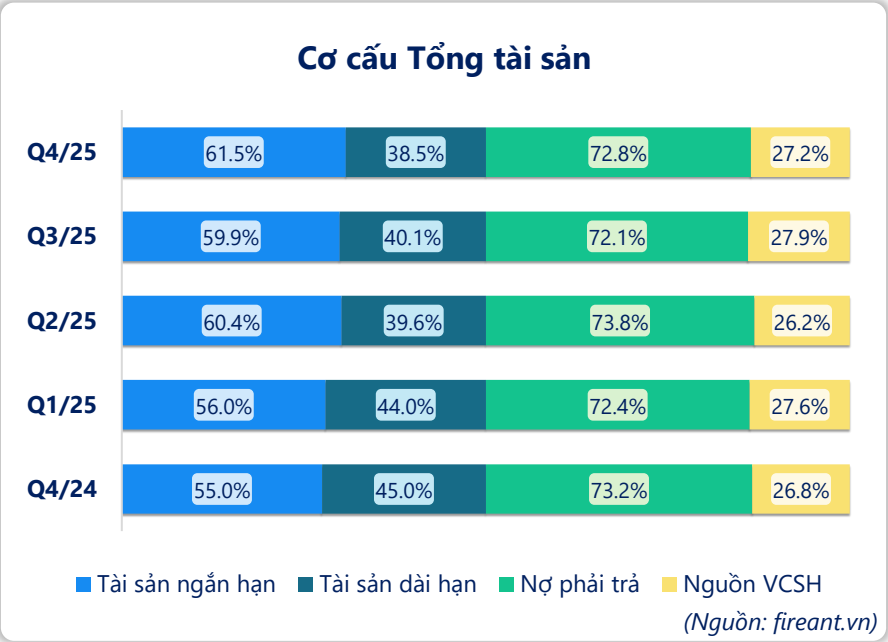
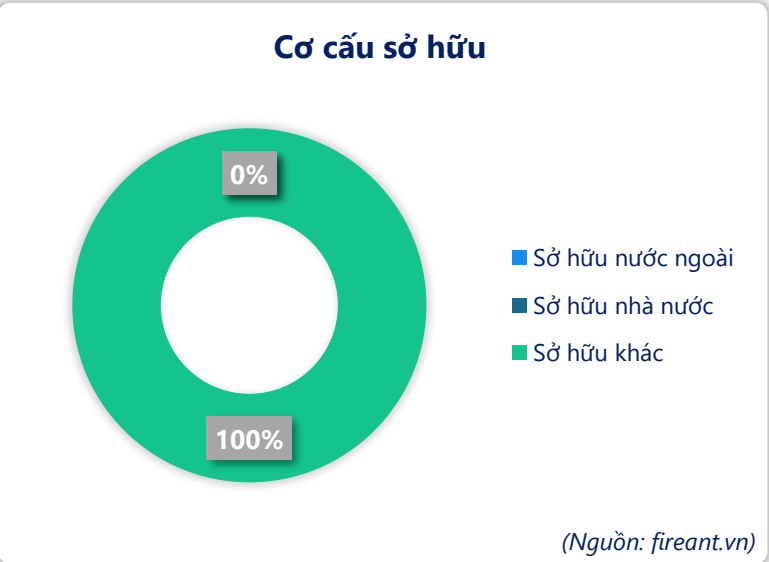
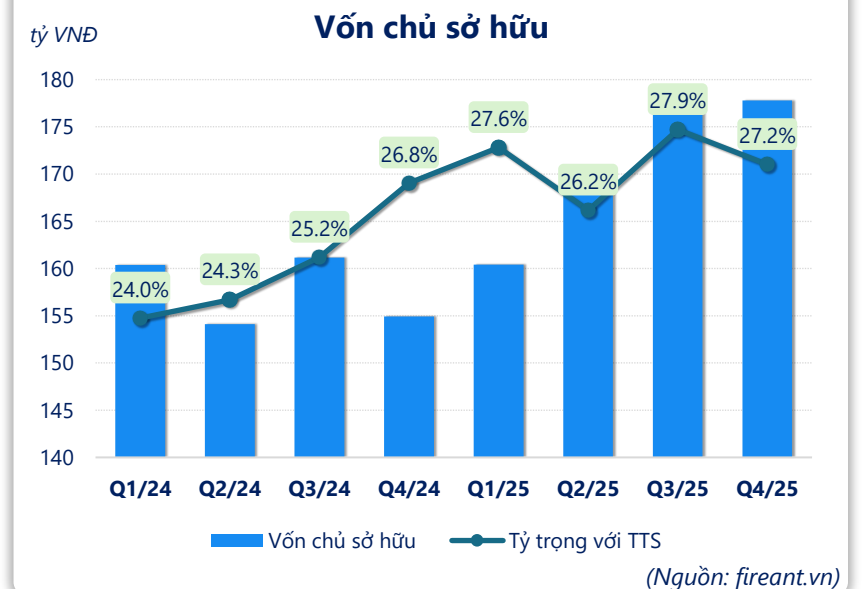
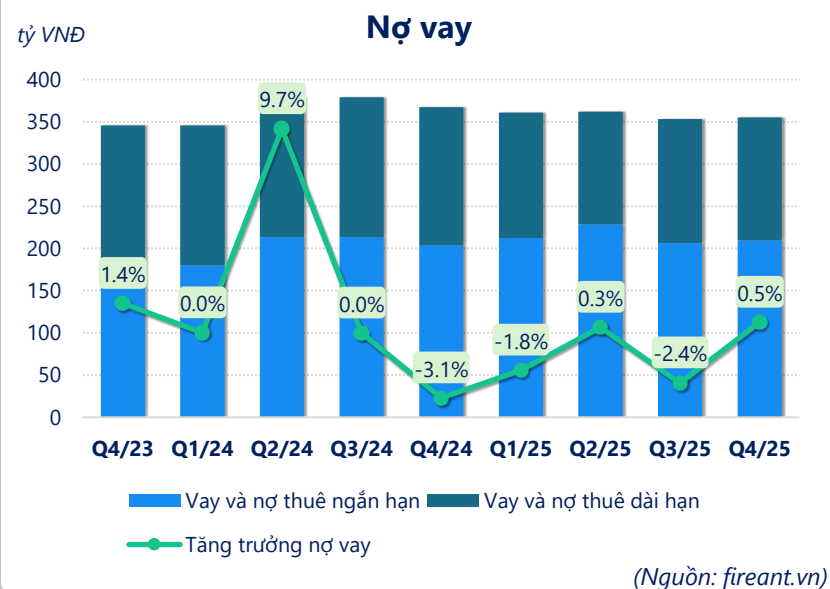
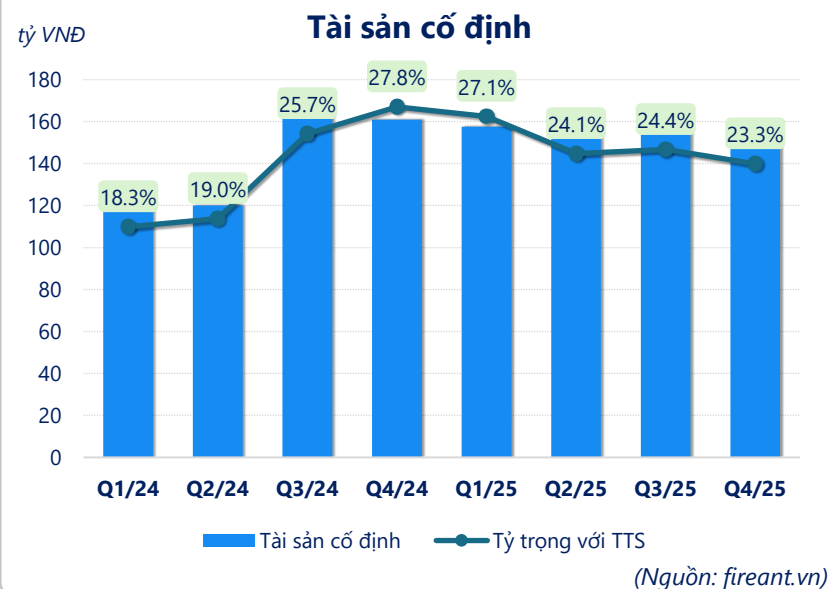
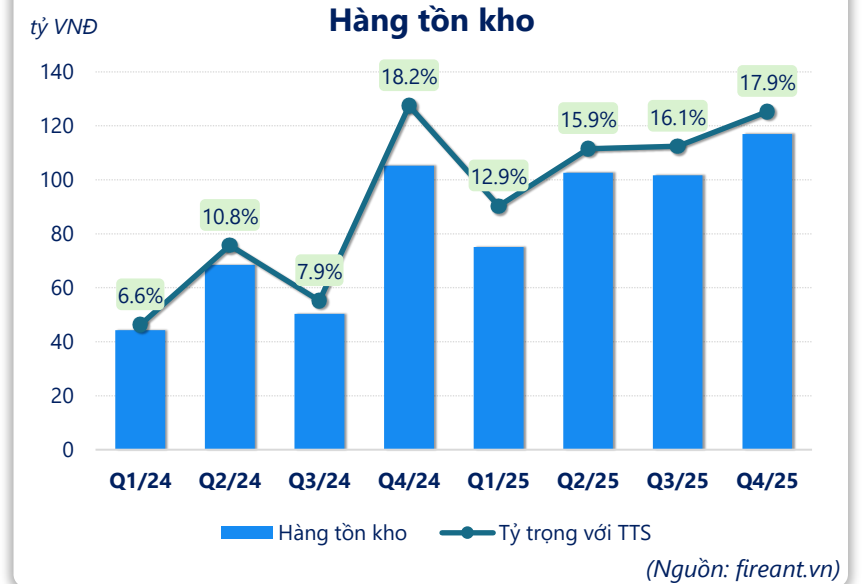
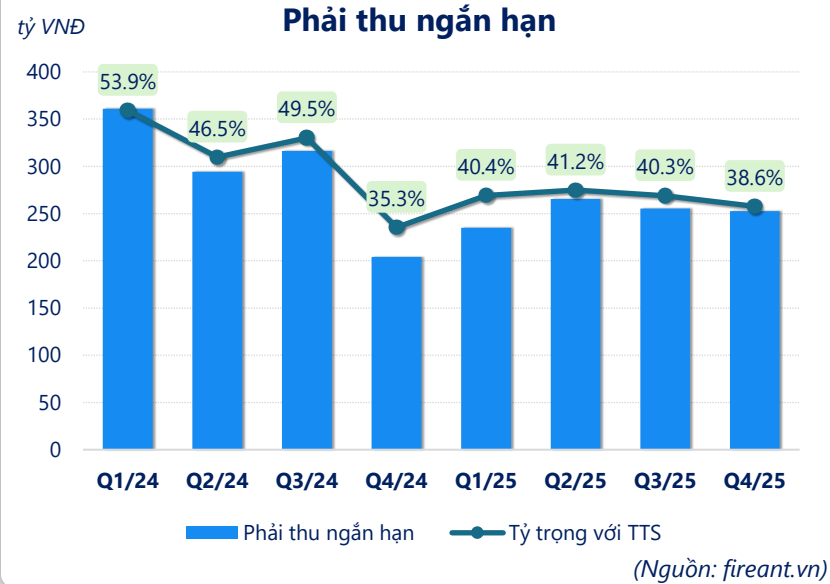
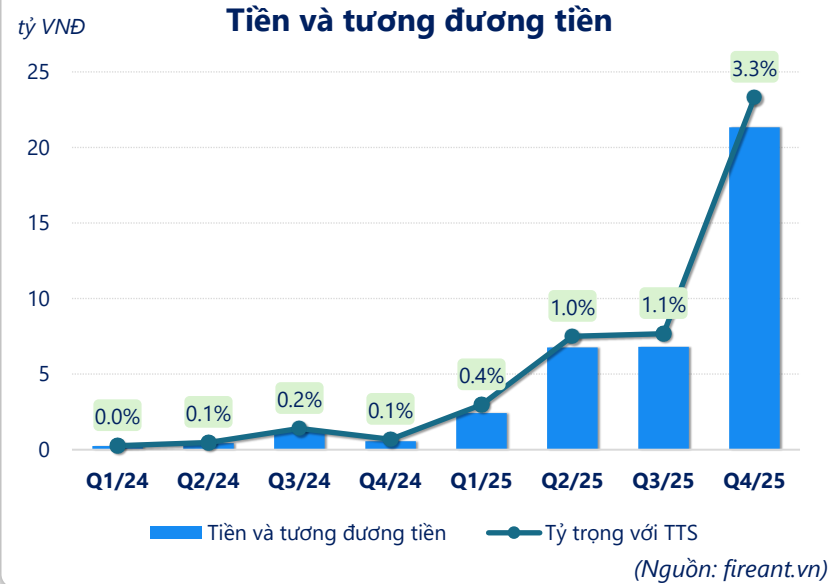
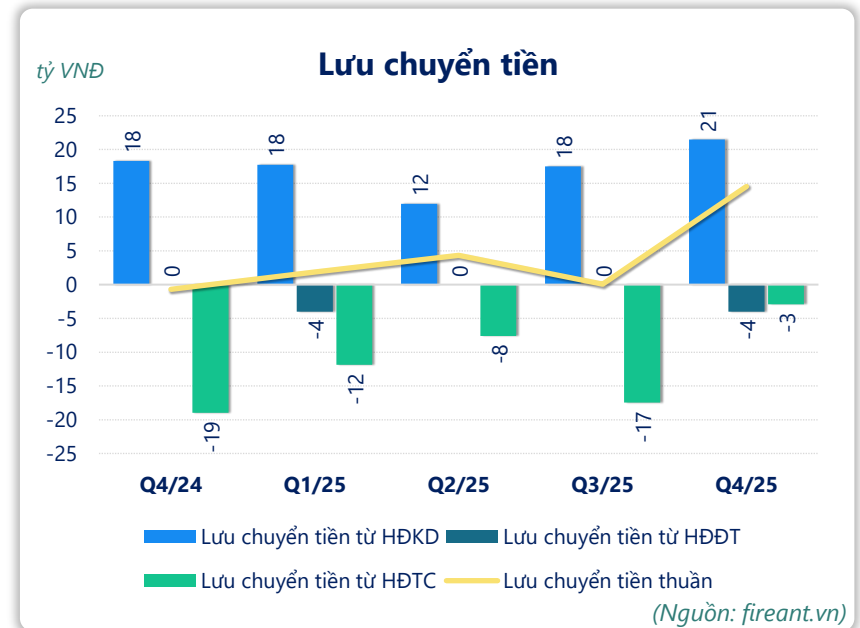
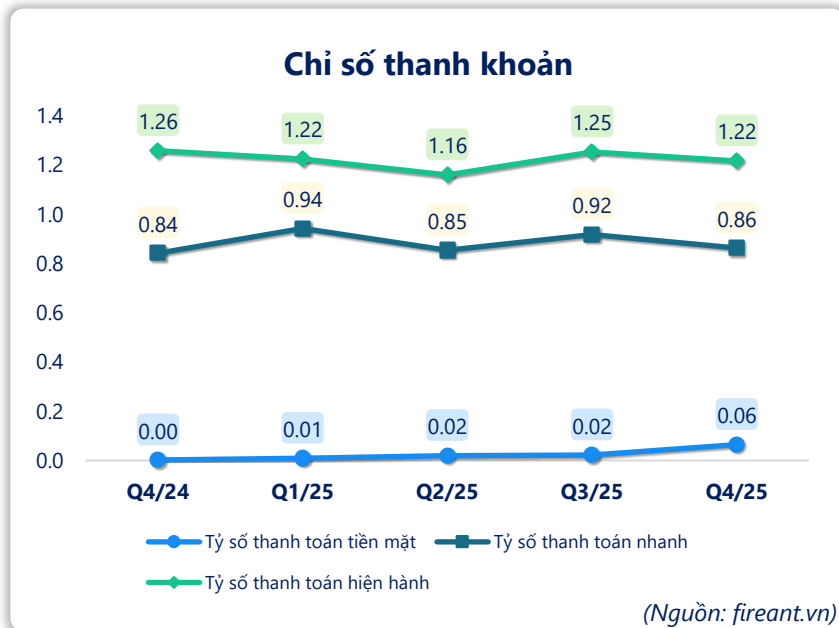
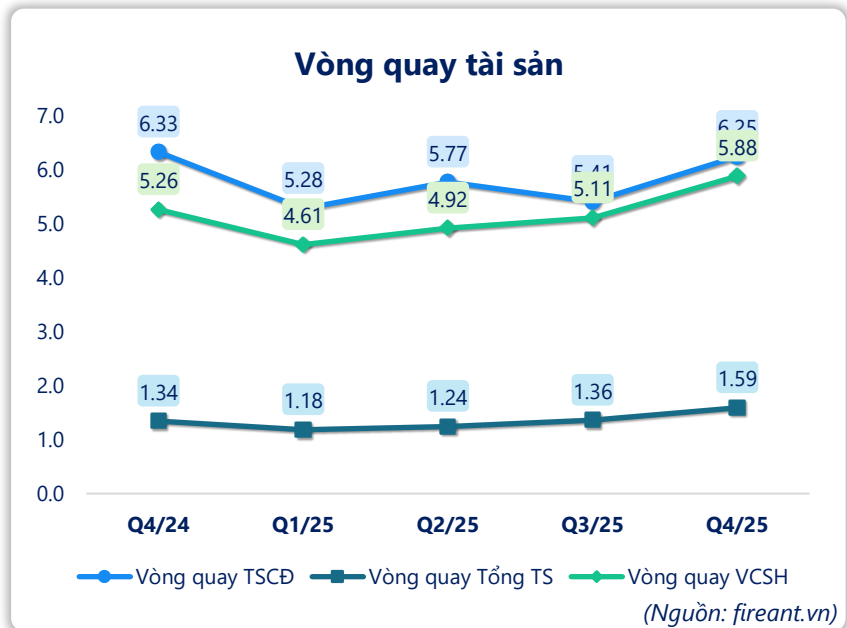
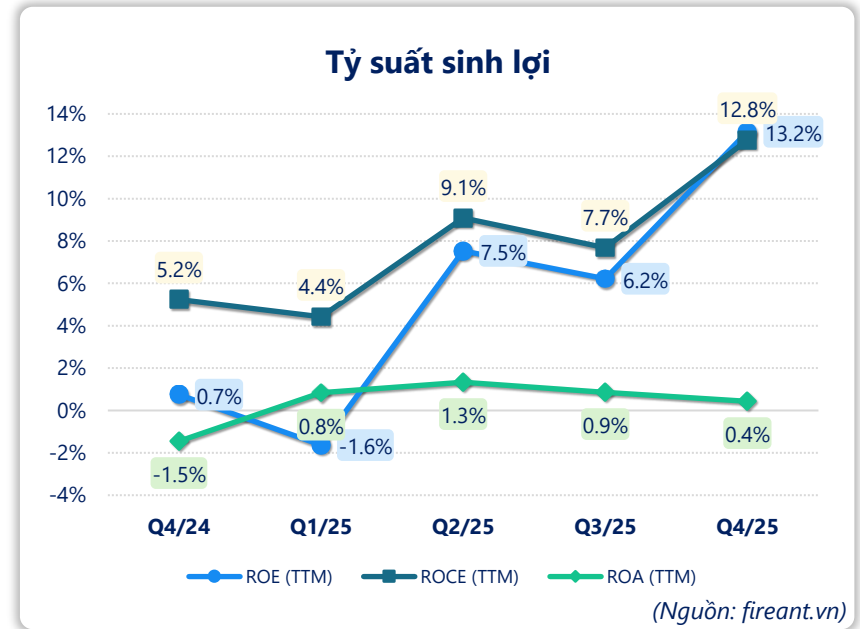
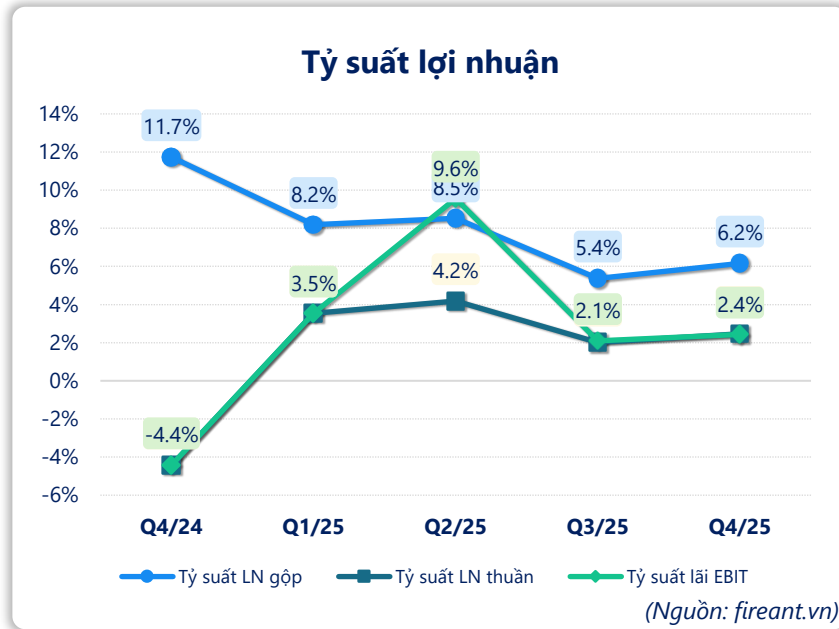
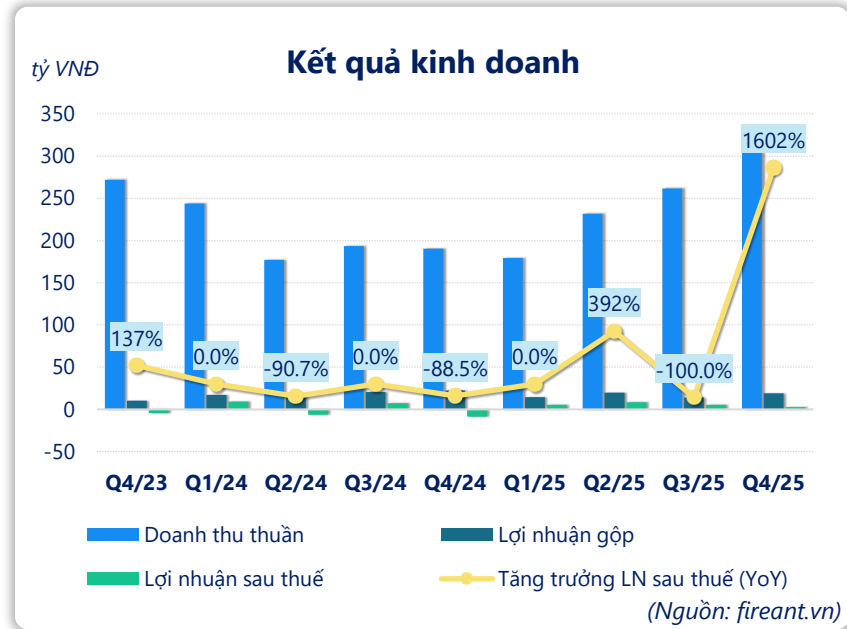


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
SL cổ phiếu LH		12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		300
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		88
P/E		4.0
EPS		1,751

	YTD	1T	3T	6T
DMN	29.6%	-16.7%	-20.5%	20.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	654	578	13.1%
Tài sản ngắn hạn	402	318	26.4%
Tiền và tương đương tiền	21.3	0.55	3771%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	0	
Phải thu ngắn hạn	252	204	23.6%
Hàng tồn kho	117	105	11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	3.34	8.23	-59.5%
Tài sản dài hạn	251	260	-3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	152	161	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	61.3	59.9	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	30.4	5.3%
Tài sản dài hạn khác	5.71	8.61	-33.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	476	423	12.5%
Nợ ngắn hạn	330	253	30.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	210	204	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	38.3	19.3	98.7%
Nợ dài hạn	145	170	-14.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	145	164	-11.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	178	155	14.6%
Vốn chủ sở hữu	178	155	14.6%
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	190	179	231	262	306
Giá vốn hàng bán	168	165	212	248	287
Lợi nhuận gộp	22.3	14.7	19.7	14.1	18.8
Doanh thu HĐTC	1.36	0.11	1.16	0.84	0.66
Chi phí TC	7.55	5.82	6.63	5.76	6.52
Chi phí lãi vay	0	0	12.4	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.33	0.19	0.44	0.52	0.57
Chi phí bán hàng	5.38	1.95	3.63	3.15	4.13
Chi phí QLDN	18.9	0.85	1.39	1.26	1.88
LN thuần từ HĐKD	-8.45	6.35	9.68	5.25	7.55
Lợi nhuận khác	0.02	-0.01	0.05	0.22	-0.12
LN trước thuế	-8.42	6.34	9.73	5.47	7.43
Lợi nhuận sau thuế	-8.70	5.22	8.51	5.47	2.68
LNST của CĐ cty mẹ	-8.70	5.22	8.51	5.47	2.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.3	17.7	12.0	17.5	21.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-4.00	0	0	-4.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.0	-11.9	-7.61	-17.5	-2.94
Tiền đầu kỳ	1.25	0.55	2.42	6.76	6.80
Lưu chuyển tiền thuần	-0.70	1.87	4.34	0.05	14.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.55	2.42	6.76	6.80	21.3

(Nguồn: fireant.vn)